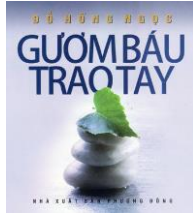


GUỒM BẦU TRAO TAY



Đỗ Hồng Ngọc
Nhà xuất bản Phương Đông

---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 10-06-2014

Người thực hiện :

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Thu Đình - Diệu Hương Thủy - thuhoaidinh.hn@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lên đường
Vậy mà chẳng phải vậy!
Chẳng phải vậy mà vậy!
Con mắt thứ ba
Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm
Con mắt còn lại
Chẳng một, chẳng khác
Đôi cảnh vô tâm

---o0o---

Lên đường

Khi tiếp cận với Kim Cang, tôi ngỡ và chung hứng không ít. Lâu nay cứ nghe người ta đọc câu “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” như một câu thần chú để quên đi bao nội muộn phiền, rồi đọc Lục tổ Huệ Năng cũng thấy ngài kể chuyện

một hôm đi bán củi, chỉ nghe lóm người ta đọc có câu kinh đó thôi mà đại ngộ, thế mà mình càng nghe càng mơ hồ, mù tịt. Sau khi viết “Nghĩ Từ Trái Tim,” ghi lại những cảm nghĩ của mình về Tâm Kinh Bát Nhã, tôi thấy hình như mình cũng có được đôi chút hiểu biết nhưng vẫn còn lờ mờ nên muốn tiếp tục tìm hiểu thêm các kinh sách khác của Phật may ra sáng tỏ thêm chút gì chẳng và nhờ đó mà có niềm tin để thực hành thấu đáo. Bởi biết là một chuyện, hiểu là một chuyện, còn từ biết đến tin đến làm và duy trì hành vi, nhận thức không phải dễ dàng. Cho nên trong Tâm Kinh, khi Bồ Tát Quán Tự Tại “hành thâm Bát Nhã” thấy được “ngũ uẩn giai không,” thoát mọi khổ đau ách nạn mừng rỡ reo lên “Bồ đề, Tát-bà-ha!” thì Phật đã cảnh giác: Phải tiếp tục hành thâm. Hành thâm nữa. Chưa ăn thua gì đâu. Không được tự mãn. Không được lơ là.

Tôi học Kim Cang không ngờ cũng thấy ghiền như khi học Tâm Kinh ngày trước. Đôi khi giật mình, đôi khi sững sốt, đôi khi bỡ ngỡ, đôi khi chung hứng. Các kinh sách dù có nhiều truyền bản, nhưng rõ ràng là có một sự nhất quán, xuyên suốt, chỉ khác cách tiếp cận tùy “đối tượng đích” mà cách truyền đạt khác nhau chớ nguyên lý vẫn là một. Nắm được cái cốt lõi có thể bớt hoang mang, thấy được “chỗ vào” chẳng?

Cái điều bỡ ngỡ và chung hứng đầu tiên khi học Kim Cang là hy vọng được đọc, được nghe những lời hay ý đẹp, những khuôn vàng thước ngọc, những bài giảng uyên áo. Thế mà, trời ạ, Kim Cang lại đi kể ngay một chuyện rất đời bình thường, nếu không muốn nói là tầm thường nữa, chẳng ăn nhập vào đâu, đó là chuyện Phật tới giờ ăn, đói bụng, bèn mặc áo, ôm bình bát đi... khát thực, chẳng thèm nói lấy một tiếng, chẳng thèm ra oai tăng hống lấy một tiếng! Nghĩ mà coi, giữa lúc có hằng ngàn người, cả các vị Đại Bồ Tát, A La Hán, các vị “chức sắc” và các đại đệ tử thân tín ngồi hồi hộp chờ nghe những lời giáo huấn sâu xa thì Phật chẳng nói chẳng rằng, mặc áo, cầm bình bát, vào thành khát thực. Đến khi khát thực thấy vừa đủ rồi mới ung dung trở lại “hội trường,” bày ra ăn, ăn xong, thu dọn y bát đâu đó đàng hoàng rồi rửa chân sạch sẽ, ngồi xếp bằng... thở, nghĩ là ... nhập định! Chẳng thèm nói lấy một tiếng. Chẳng thèm ban cho một chút huấn từ! Tôi tưởng tượng lúc đó nếu mình cũng đang ngồi xớ rớ đâu đó, bên ngoài hành lang, dự thỉnh, chờ nghe những lời thuyết giảng mà phát tức anh ách, cảm thấy hăng, thất vọng. Bỗng dưng, Tu Bồ Đề xuất hiện. Ngồi giữa đám đông như mọi người bỗng ông đứng phắt dậy, cung kính cúi chào đúng nghi lễ với bậc Thế Tôn rồi cất lời ca ngợi: Thật tuyệt vời! Thật là tuyệt diệu! Thật xưa nay chưa từng có! Thế Tôn đã khéo léo dạy dỗ, khéo léo trao truyền, khéo léo gợi gắm cho các vị đang có mặt tại đây hôm nay! Lúc đó thì quả thực mới bùng nổ bài học vừa được truyền trao mà chẳng ai ngờ! Lúc đó thì sự chung hứng đã trở thành nổi áy náy. Chết rồi, này giờ không để ý, không theo dõi kỹ bài giảng không lời kia của Đức Phật! May mà có

Tu Bồ Đề phát hiện! Những người không để ý quan sát kỹ sẽ mất đi một cơ hội đáng tiếc!

Phật có cách dạy riêng của Ngài: không nói một lời mà chỉ làm cho coi. Đó là một phương pháp giáo dục rất mới mà bây giờ người ta gọi là “*demonstration*,” tức là biểu diễn, làm gương, làm cho bắt chước, một lối dạy kỹ năng sống (life skills) rất hiện đại. Một lần nữa cho thấy học Phật, tu Phật là làm chứ không phải nói. Làm trước, nói sau. Hoặc cũng chẳng cần nói. Ta hiểu vì sao các vị thiền sư thường bắt học trò chẻ củi, nấu cơm, gánh nước, trồng rau, giã gạo... mà chẳng thèm dạy lấy một lời. Cho đến lúc nào học trò tự phát hiện ra một điều gì đó bức xúc trong tâm thì mới dạy, cũng bằng một cách kỳ cục nào đó: có khi lật thuyền, có khi gõ đầu, có khi trả lời trớt quớt, có khi hỏi ầm ố kiểu ông đưa tâm đây tôi an cho, làm cho học trò ngớ ra rồi... sự tình cơn mê! Cuối khoá học, trò cũng không nhận được một bằng cấp nào của thầy để khoe, thầy cũng chả có gì để trao cho trò. Bối “Cái đó” sẵn có trong trò, thầy chỉ giúp trò tự phát hiện, tự chứng nghiệm, tự “giải quyết” lấy vấn đề của mình. Đó gọi là tham vấn (counselling), một phương cách trị liệu tâm lý học và y học ngày nay. Người làm tham vấn ví như cô mục đỡ đẻ, giúp bà mẹ có được cuộc đẻ mẹ tròn con vuông chứ không thể đẻ thay bà mẹ. Đứa con có sẵn trong bụng mẹ rồi.

Trò lại bài học, mọi người giật mình, sừng sốt nhớ lại thì mới hay Phật muốn dạy mình bài học đầu tiên: đói thì ăn, khát thì uống. Tới giờ ăn thì phải lo ăn. Ai nói không cần ăn là người không biết sống, hoặc giả dối. Gần hai ngàn năm sau, Trần Nhân Tông, ông vua nhà Trần ở nước ta, vị thiền sư sáng lập phái Trúc Lâm Yên Tử cũng nói trong bài Cư Trần Lạc Đạo: *Cơ tắc xan hề khốn tắc miên* (Đói thì ăn, mệt thì ngủ.) Phật tới giờ ăn mà còn phải lo mặc áo, xách bình bát đi khát thực, huống là ta! Điều đáng để ý ở đây, một bậc Thế Tôn như Đức Phật, chỉ cần nói một tiếng, không thiếu món ngon vật lạ cúng dường! Thị giả hẳn đã lo bữa cơm tươm tất cho Phật đâu đó rồi, chờ Phật thuyết giảng xong thì vào ăn. Nhưng không. Phật đã tự đi kiếm ăn lấy một mình. Không nhờ vả đến ai. Không ăn thức ăn dọn sẵn ngon lành, mà tự mình làm đúng những điều mình đã dạy. Cho nên không giật mình, sừng sốt sao được! Nhiều vị “chức sắc” có mặt hẳn ... hết hồn nhìn lại mình, nào đệ tử cung phụng, nào bày biện các món ăn tuy là chay mà cũng “son hào hải vị” không kém! Ngày nay ta còn thấy có nhiều thức ăn chay giả giống hình con tôm, con cá, đùi gà... thật là đáng ngại! Giật mình, sừng sốt còn bởi vì Phật, địa vị cao nhất, bậc Thế Tôn kia, có hăng chục “chức danh” lưng lầy mà vẫn giản dị làm sao, vẫn đi chân trần từng bước thanh thoát, vẫn bung bình bát đi khát thực giữa nắng trưa để có cái ăn, có gì ăn nấy. Phật đi khoan thai, tự nhiên, mỗi bước đều chánh niệm, không “dính mắc” gì với chung quanh mọi người đang xì xầm hay bàn tán về mình, kể khen người chê mình. Ngài chỉ thở vào thở ra trên từng bước đi,

ung dung, nhẹ nhàng, sáng khoái. Phật cũng không chọn các nhà giàu để đến khát thực hoặc chọn nhà nghèo để chịu hơn, hoặc những nhà quen biết cho chắc ăn, Phật cứ ung dung lần lượt đi từng nhà, từng nhà, bởi vì đâu có cần phải phân biệt, đâu có cần giúp riêng người giàu hay người nghèo. Ai cũng có vấn đề, ai cũng “khô” như nhau thôi. Người nghèo khô nghèo, người giàu khô giàu! Có điều sau một vài tiếng đồng hồ đi bộ để khát thực như vậy thì món ăn nào cũng trở thành “cao lương mỹ vị,” nếu được ăn trong chánh niệm, được nhai kỹ từng chút một thì thức ăn nào cũng ngon, cũng dễ tiêu hoá. Hình như cái bình bát cũng vừa lớn đủ đựng thức ăn cho một người thôi, để không quá dư, không thừa mứa. Ngày nay ít thấy cảnh khát thực, nhất là ở các đô thị, thành phố, thế nhưng khi ta có dịp thấy một người mặc áo ca sa, mang bình bát, từng bước ung dung, chánh niệm, đi khát thực từng nhà, từng nhà, ta không khỏi khâm phục vị Thầy từ ngàn xưa, và tự dung trong lòng thấy cảm động. Ngày nay dù không còn phải đi khát thực từng bữa nữa, nhưng việc đi bộ hằng ngày vài tiếng đồng hồ cũng luôn rất cần thiết cho sức khoẻ; thức ăn đơn giản, nhiều rau, nhiều đậu, ít béo, ít đường, ít mặn, không quá dư cũng đã rất tốt cho sức khoẻ. Đặc biệt là ăn trong trạng thái ung dung, thư giãn, một không khí an lành, với niềm vui có được bữa ăn vừa đủ, không cầu kỳ, không thừa mứa, thì bữa ăn nào cũng trở nên ngon, lành mạnh, khoẻ khoắn. Ăn xong, Phật thu dọn y bát đâu đó gọn gàng, rửa chân sạch sẽ rồi mới vào ngồi tĩnh toạ. Điều đáng để ý ở đây là không phải ăn xong thì đi... ngủ hoặc bắt đầu tranh luận căng thẳng mà là ngồi tĩnh toạ, vào thiền. Có lẽ đó là lúc tốt nhất để nghe cơ thể mình hoạt động, để thấy các thức ăn được bộ máy tiêu hoá, hấp thu, chuyển hoá thành năng lượng ra sao trong từng tế bào. Bài học đã truyền trao. Nếu chịu khó quan sát kỹ tí nữa, lúc Phật bưng bình bát đi khát thực từng nhà, có lẽ ta còn phát hiện ra nhiều điều hay, thú vị khác. Chẳng hạn cái người đi khát thực kia không phải là người đi xin mà là người đi cho. Ta không thể phân biệt ai là người xin người cho ở đây. Khi người đi khát thực đứng trước cửa nhà nào thì gia chủ mừng húm, cảm thấy như mình có một hạnh phúc lớn, không phải chỉ vì người đi xin kia là đức Phật mà chỉ vì cái hành vi đi xin kia thực ra mang một ý nghĩa khác, ý nghĩa cảnh tỉnh, như một lời nhắc nhở, nhắc nhở. Gia chủ sẽ có dịp nhìn lại chính mình, nghe ngóng một tiếng nói nào đó ở trong sâu thẳm tâm hồn mình. Có thể rồi sẽ chóng quên, nhưng hôm nào đó lời nhắc nhở sẽ lại vọng lại. Với người quyền quý cao sang, có thể giật mình một chút thấy cái người đi chân đất, để đầu trần, bưng bình bát đứng xin kia là người vì sao đã từ bỏ ngôi vị thái tử, đã từ bỏ gấm vóc lụa là, cung phi mỹ nữ. Cũng có thể sẽ có những người xưa đuổi, sỉ vả, để rồi cũng nhận được một ánh mắt biết ơn, một nụ cười triu mến và những bước đi nhẹ nhàng của người khát thực kia. Để rồi đêm về, người đã xưa đuổi sỉ vả nọ nhớ lại, ngạc nhiên nghe một thứ tiếng nói khác trong lòng mình. Có những người nghèo không có cái ăn, không có cái gì để cho thì lúc đó cái ánh mắt, cái nụ cười sẽ chia sẻ cùng nhau. Sự tôn trọng, không phân biệt, đã nói lên nhiều điều quá đỗi. Thực ra nếu quan sát kỹ chút

nữa, có lẽ từ lúc Phật đứng lên mặc áo, cầm lấy bình bát... mỗi cử chỉ đều đã toát lên một cái gì đó khác với ta. Nếu có ai thắc mắc hỏi chuyện mặc áo, cầm bình bát của Phật đâu thấy khác gì mọi người, thì chắc Ngài sẽ cười nhẹ nhàng nói: có chứ, có chứ. Bởi Phật khoác áo, cầm bình trong chánh niệm còn ta thì hấp tấp, hớn hên chụp lấy áo, chụp lấy bình bát, tất tả vội vàng...

Diễn tiến của một buổi giảng huấn bằng phương pháp *demonstration* đó thì mỗi cử chỉ, hành động đều phải được theo dõi, quan sát rất kỹ để có thể thực hành theo. Suốt bài giảng đó, ta đã học được nhiều điều hơn ta tưởng: bố thí mà không phải bố thí, trì giới, nhẫn nhục mà không phải trì giới, nhẫn nhục, rồi tiết độ, tri túc, tinh cần, chánh niệm... và lúc nào cũng ở trong một trạng thái ung dung, an lạc, thanh thoi, đầy trí tuệ. Cho nên ta sẽ không còn ngạc nhiên khi nghe Tu Bồ Đề cất tiếng ca ngợi: “Hy hữu Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát.”

Tu Bồ Đề đang ngồi giữa “hội trường” bỗng đứng phắt dậy cung kính chấp tay cúi chào đức Phật và lớn tiếng ca ngợi: “Thật là tuyệt vời! Thật là tuyệt diệu!. Thật xưa nay chưa từng có. Như Lai đã khéo dạy dỗ, khéo giúp đỡ, khéo truyền trao, khéo phó chúc cho các vị Bồ tát”. Đọc tới đây tôi lại một phen chung hửng! Bởi Tu Bồ Đề nào phải là ai xa lạ. Ông là một trong mười vị đại đệ tử của Phật, một bậc Alahán, người nổi tiếng ưa hạnh lan nhã, độc cư, người giải *Không* đệ nhất. Thế mà trong hội chúng này, ông lên tiếng nghe có vẻ gì đó như... ganh tị với các vị Bồ tát! Nào các vị Bồ tát... “vui” nhé, được đức Phật “cung” nhé, được Như Lai quan tâm giúp đỡ, tin cậy gởi gắm và hôm nay còn được trực tiếp trao truyền một cách khéo léo như thế nhé! Làm như xưa giờ đức Phật chẳng hề dạy cho quý vị, chẳng hề tin cậy, giúp đỡ quý vị, vốn là những đại đệ tử gần gũi nhất của Phật vậy! Lúc đầu tôi chung hửng, sau thấy hình như không phải vậy! Alahán đã là những bậc *vô sanh*, lẽ nào lại “sanh sự”, lẽ nào lại đi ganh tị chứ! Có thể đây là một buổi thuyết giảng quan trọng dành riêng cho các vị Bồ tát- những vị tuy đã giác ngộ nhưng vẫn hãy còn là chúng sinh- đang chuẩn bị lao vào thế giới khổ đau để giúp đỡ mọi người. Trong thánh chúng, có những vị đã là Bồ tát nhưng cũng có những vị mới “phát tâm”, tu sĩ cũng như cư sĩ, cả nam lẫn nữ, thậm chí chưa phải đã “tự giác” hoàn toàn nhưng vẫn sẵn sàng “giác tha” để qua đó tu rèn học tập thêm. Bồ tát với chí nguyện sẵn sàng dấn thân vào đời, cứu nhân độ thế, là một thế hệ học trò mới của đức Phật- vào thời thuyết giảng Kim Cang. “*Chín tầng gương báu trao tay / Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh*” (CPN) chẳng? Gương báu? Đúng vậy. Thanh gương trao truyền ở đây là thanh gương sắc bén nhất, gương được làm bằng kim cương, có thể dùng để chặt đứt tất cả những khổ đau ách nạn của kiếp người. Việc làm này được giao phó cho các vị Bồ tát “tương lai”, những trai thiện gái lành tự nguyện, chí nguyện, dấn thân vào đời với lòng nhiệt tình,

hăng say để truyền bá đạo giải thoát. Còn với những vị đã là những bậc “chân nhân” đã dứt hết phiền trần, đã “đặt gánh nặng xuống” thì tùy, có thể dẫn thân vào đời hay tiếp tục tu hành để giữ ngọn đuốc sáng của suối nguồn cũng hay.. Tôi nhớ đọc đâu đó câu này: when the source is deep, the stream is long. Nguồn có sâu thì dòng chảy mới dài! Còn “xuất chinh”? Phải, xuất chinh ở đây không phải là đi đánh Nam dẹp Bắc, chiếm đất giành dân gì cả mà là chiến đấu với chính mình, với giặc tham sân si trong mỗi con người. Lão Tử chẳng đã nói” Thắng nhân giả hữu lực, tự thắng giả cường” đó sao? Thắng mình mới khó. Cho nên phải có gương báu trao tay! Cái cách Tu Bồ Đề ngợi ca Phật đã khéo truyền trao, khéo quan tâm, khéo gợi gắm... hình như đã nói lên điều đó. Đó là cách mà ngày nay người ta gọi là tạo động cơ, “motivation”, trong giáo dục chủ động. Học trò có động cơ học tập thì học mới tốt, còn không rất dễ...ngủ gục! Hẳn là mọi người có mặt trong hội trường đều giật mình, và nhờ đó tâm hồn rộng mở, háo hức đón nhận những lời giáo huấn. Ai cũng tự hứa với lòng sẽ ráng để thành một “Bồ tát”, xứng đáng với sự tin cậy phó thác của đức Phật.

Tu Bồ Đề liền đặt câu hỏi “ *Thưa Thế tôn, người trai thiện, người gái lành, muốn trở thành một bậc Giác Ngộ thì phải làm thế nào để an trụ tâm, làm thế nào để hàng phục tâm?*”

Một câu hỏi cho đến hơn hai ngàn năm trăm năm sau vẫn còn như vang vọng! Nhất là trong thời buổi hiện nay, thời buổi toàn cầu hóa, “thế giới phẳng” gì gì đó đã đẩy con người vào những cuộc tranh chấp khốc liệt, tranh giành quyền lực, quyền lợi, dẫn đến chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai... như ta đã thấy. Chưa bao giờ tâm con người ta lại “hừng hực” lên như thế, chưa bao giờ tâm con người ta lại “bấn xúc xích” lên như thế!

Vâng, để Giác Ngộ, chỉ cần xoáy vào một chữ tâm đó thôi. Chỉ cần an trụ, chỉ cần hàng phục được cái tâm đó là xong! Nghĩa là trở thành một bậc Giác ngộ, ngang hàng với Phật, bởi Phật nói, phàm phu là Phật chưa giác ngộ, còn Phật là ...phàm phu đã giác ngộ. Thế thôi. Chỉ có thế. Chỉ cần thế. Mọi thứ quấy rối cuộc đời, mọi thứ khổ đau ách nạn đều do cái tâm mà ra nên chỉ cần “xỏ mũi” nó, kéo nó lại, dạy dỗ nó, trừng trị nó –nói khác đi là hàng phục nó như hàng phục một con ngựa chứng, một con trâu điên- rồi...an trú nó vào một chỗ nào đó, đừng cho nó quậy phá nữa là xong! Tưởng dễ mà không dễ! Cái tâm đó coi vậy mà khó dạy, khó trị, khó hàng phục, khó an trú vô cùng! Giỏi như Thái thượng Lão quân mà thỉnh thoảng con trâu của ngài cỡi cũng sút chuông lén xuống trần làm bậy, quậy phá tung bưng. Con trâu này vốn còn được ngửi mùi linh đan diệu dược của Ngài nên càng ghê gớm hơn nữa! Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép thần thông biến

hóa mà cũng đành bó tay, cũng hết thuốc chữa, phải nhờ đến Quan Âm Bồ tát mới xong!

Một điều thú vị ở đây là Tu Bồ Đề nói đến người trai thiện, người gái lành (*thiện nam tử, thiện nữ nhân*) chứ không nói đến bất cứ trai nào, gái nào. Thì ra đó là điều kiện tiên quyết. Phải tốt phải lành cái đã rồi mới tính chuyện trở thành Bồ tát được! Bởi con đường giác ngộ của Phật kỳ cục quá, lạ lùng quá, tuy là tuyệt diệu mà nói ra sẽ chẳng mấy ai tin, cũng chẳng dễ làm theo. Cho nên lúc đầu Phật dẫn đo đạc ngại khá lâu mới chịu chuyển bánh xe pháp! Rõ ràng, một lần nữa, ta thấy Tu Bồ Đề dùng kỹ thuật tạo “motivation”, tạo môi trường thuận lợi cho việc truyền trao gươm báu của buổi hôm nay. Một điểm nữa cũng rất thú vị: không có chuyện kỳ thị giới tính, không có chuyện bất bình đẳng giới ở đây! Cả nam lẫn nữ, ai cũng có thể trở thành Bồ tát. Hơn hai ngàn năm trăm năm rồi đó!

Phật liền trả lời Tu Bồ Đề “Tốt lắm, tốt lắm! .Đúng như ông nói đó, Ta đã hết lòng giúp đỡ, hết lòng tin cậy, gởi gắm cho các vị Bồ tát!”. Được lời như cỡi tác lòng! Không phải chỉ Tu Bồ Đề nói mà Phật cũng xác nhận nhé! Vậy thì lẽ nào chư vị còn dấm lơ là! Không khí hội trường lúc đó có lẽ đã hoàn toàn khác, đã đủ chín muồi.

“Này Tu Bồ Đề, ông hãy lắng tai nghe cho kỹ (*đế thính*) đây”. Lắng nghe (listening) là kỹ năng hàng đầu trong tham vấn (counselling) tâm lý ngày nay. Lắng nghe, không phải là nghe hời hợt ngoài tai mà là nghe với tất cả tâm hồn, tất cả thân xác. Người biết lắng nghe là người nghiêng mình về phía người nói, nhìn vào mắt người nói, gặt gù những chỗ tâm đắc, hỏi lại nếu cần và biết phản ánh, lặp lại với những câu chữ khác xem có đúng nội dung diễn đạt không. Một người biết lắng nghe là người có tâm hồn đồng cảm, chìm ngập, tràn dâng cảm xúc! Ta hiểu vì sao trong Kim Cang, Tu Bồ Đề, vị Alahan vô sanh là vậy mà cũng nước mắt rơi lã chã! Chữ “đế” ở đây còn có nghĩa là “thẩm xét”, suy xét cho thấu đáo, không thể chỉ nghe, tin một cách hời hợt được. Khi học Phật, thú vị nhất là Phật không “áp đặt” bao giờ, lúc nào cũng bảo ta chớ vội tin, hãy suy xét cho kỹ, tìm tòi cho thấu đáo, và thực hành cho miên mật để rồi tự mình phát hiện, tự mình “kiểm nghiệm”, tự mình chứng nghiệm lấy.

Để ý thêm chút nữa, ta thấy dường như ở đây Phật chỉ nói riêng cho Tu Bồ Đề, với Tu Bồ Đề thôi. “ Ta sẽ vì ông mà nói”. *Dương vị như thuyết*. Có nghĩa là không phải với bất cứ ai ta cũng nói được điều này. Vì ông đã biết đặt ra một câu hỏi cốt lõi, rất ráo... như vậy nên ta mới nói riêng cho ông biết: “Người trai thiện, người gái lành, muốn trở thành bậc Giác ngộ thì cứ làm ...như vậy, như vậy...”! Hãy nghĩ xem, trong tình huống đó mọi người sẽ chăm chú, sẽ dón tay lên mà

nghe như thế nào! Tất cả mọi người trong hội trường trở thành người học...lóm. Học... lóm là một cách học...hay! Lục tổ Huệ Năng đã từng học lóm như vậy ngay khi đã vào chùa, ngày ngày giã gạo , bửa củi, nấu cơm. Nhờ vậy mà ông thấy ngay “*Bản lai vô nhất vật*” trong khi những người khác còn loay hoay tìm kiếm! Cách nói “Hãy làm như vậy...như vậy...” thường gặp trong truyện xưa, mỗi khi có điều gì cần riêng tư, bí mật, càng gây thêm một sự tò mò muốn biết, muốn nghe. Phải chăng đó chính là kỹ thuật truyền trao đặc biệt của Kim Cang? Phật và Tu Bồ Đề có lẽ đang sắm vai, “role playing”, một cách tuyệt vời của phương pháp giáo dục chủ động rất hiện đại đó chăng?

Tu Bồ Đề hớn hờ: Xin vâng, xin vâng, con đang rất muốn nghe đây!

---o0o---

Vậy mà chẳng phải vậy!

Lại nói Tu Bồ Đề kính cẩn đặt hai câu hỏi với Phật: “...*làm thế nào để an trụ tâm, làm thế nào để hàng phục tâm?*” thì Phật bảo rằng không có gì khó cả, các vị Đại Bồ tát đều hàng phục tâm bằng cách như vậy... như vậy... “Ông hãy lắng tai nghe cho kỹ đây. Ta sẽ vì ông mà nói”. Tu Bồ Đề hớn hờ: “Xin vâng, xin vâng. Con đang rất muốn nghe!”.

Hơn hai ngàn năm trăm năm sau, chúng ta cũng đang rất muốn nghe, cũng đang dỏng tai lên mà nghe, bởi chưa bao giờ con người sống trong sợ hãi, lo âu, căng thẳng như bây giờ, với chiến tranh dịch bệnh thiên tai đủ thứ! Con người mắc đủ thứ bệnh tật mà y học dù rất tiến bộ cũng lúng túng, bó tay... Các loại bệnh cứ xà quần, hết thứ này sanh thứ khác, bởi cái gốc của nó không ở cái thân xác kia, nên đi đủ thứ bác sĩ cũng không khỏi cho đến khi vớ phải một... lang băm! Y học đã phải bào chế ra nhiều thứ thuốc, nào an thần, nào thuốc ngủ, nào giải lo (anxiolytique), thậm chí những thứ thuốc cực mạnh để cắt đứt cơn suy nghĩ của con người, làm cho họ rơi vào trạng thái hôn mê ngắn hạn để được thoi đôi chút, xa rời đôi chút với những lo âu phiền muộn sợ hãi bao quanh!

Phật dạy: Muốn hàng phục tâm ư, muốn an trụ tâm ư? Chỉ cần “diệt độ” tất cả chúng sanh, loại nào cũng “diệt độ”, cho vào Vô dư Niết bàn sạch trơn, nhưng rồi thật ra... chẳng có chúng sanh nào được diệt độ cả!

Ôi trời! Thiệt là choáng váng! Chưa kịp trấn tĩnh, Phật đã nói tiếp: “Tại sao vậy? Tại vì Bồ tát mà còn có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì... chẳng phải là Bồ tát! ”. Lúc đó hẳn một số người trong thính chúng cũng hoang mang, thoi không dám làm Bồ tát nữa và xin rút lui có trật tự! Chính Tu Bồ

Đề cũng phải kêu lên: Con có thể hiểu không khó những lời Phật dạy, nhưng liệu năm trăm năm sau, người ta có thể hiểu được không? Phật đã phải quả ngay: “Ông chớ nói thế!”. Bởi Phật tin tưởng ở tương lai, người ta có thể hiểu Phật nhanh hơn, phương tiện truyền thông tiến bộ hơn, và... đời sống con người càng... khổ đau hơn, dù vật chất có được cải thiện mà phiền não thì cứ gia tăng! Tuy vậy, Phật cũng nói thêm: Sau này, ai được nghe Kim Cang mà “không kinh, không hãi, không sợ” thì người đó hẳn phải có nhiều “thiện căn”! Nửa thế kỷ trước đây, Edward Conzé, tiến sĩ tâm lý, nhà Phật học nổi tiếng, người đã dịch Kim Cang sang tiếng Anh, bảo bạn ông, một nhà trí thức thần học, khi đọc bản dịch đó đã kinh ngạc kêu lên: Điên, điên rồi! Nhưng Edward Conzé không thấy điên, lại còn khẳng định: hiệu quả sẽ được chứng minh qua áp dụng vào đời sống hằng ngày! Nguyễn Du đọc đi đọc lại Kim Cang cả ngàn lần, đến khi có dịp đi sứ sang Tàu, nhìn thạch đài phân kinh của thái tử nhà Lương mới than: Chung tri vô tự thị chân kinh! (Cuối cùng mới hiểu ra kinh không chữ mới thật là chân kinh!). Người xưa thì cũng đã nguyện “*Nguyện giải Như Lai chơn thật nghĩa!*”. Chắc hẳn phải có điều gì đó... bí ẩn!

Phật nói muốn hàng phục tâm thì có bao nhiêu loại chúng sinh, dù sinh từ thai, sinh từ trứng, từ thấp, từ hóa, từ có hình hoặc không có hình, từ có tướng, hoặc không có tướng, hoặc chẳng có tướng mà cũng chẳng phải chẳng có tướng... đều phải “diệt độ” tất cả, cho vào... “Niết bàn” sạch trơn! Rồi, tuy “diệt độ” vô số số lượng vô biên chúng sanh như vậy mà thật ra... chẳng có chúng sanh nào được diệt độ cả!

Lâu nay ta vẫn nghĩ chúng sanh là *beings*, là *êtres*, là những sinh vật- gồm có cả con người trong đó – nên “diệt độ” hết chúng sanh thì ta ở với ai? Có sách nói phải diệt độ hết chúng sanh đi mà đừng kể công, ấy mới là lòng quảng đại, là chí nguyện của Bồ tát. Có sách lại bảo chúng sanh ở đây không phải là người, không phải là sinh vật mà là những tư tưởng, những ý nghĩ, những khái niệm! Người bình thường chúng ta nghe chữ “diệt độ” chúng sanh, rồi đưa hết vào “Niết bàn” cũng thấy ón! Thực ra chữ “diệt độ” ở đây không có nghĩa là tiêu diệt mà là giúp đưa hết cả qua bờ giải thoát.

Nghĩ cho cùng, cốt lõi có lẽ nằm ở hai chữ “chúng sanh”! Giải mã được từ khóa này thì hy vọng mở được “Càn khôn đại nã di tâm pháp” như Vô Kỵ dưới hầm sâu trong tiểu thuyết kiếm hiệp Kim Dung! Một hôm, tôi đem thắc mắc “chúng sanh” này hỏi một vị sư. Sư trả lời ngắn gọn: *Tùy chúng duyên nhi sanh!* Rồi thôi, chẳng nói gì thêm. Với tôi, thế là đã đủ, đã rõ! Vậy mà phải mất bao nhiêu thời gian trần trở, kiếm tìm, suy gẫm. Tôi hiểu tại sao các vị thiền sư thường bắt học trò giã gạo, gánh nước, bửa củi nhiều năm mà chả chịu dạy gì, cho

đến khi đủ chín muồi tự trong bản thân mình! Cũng như người xưa đến thầy xin học thuốc, thầy coi giò coi cẳng xong mới cho vào học, lúc đầu bắt chẻ thuốc, bào thuốc, tán thuốc, sắc thuốc... chừng năm bảy năm trời rồi mới cho bắt mạch, kê toa, bởi làm một chữ là chết người. Đến khi thành tài... thầy còn gã con gái cho không chừng! Như vậy có thể nói chúng sanh ở đây không phải là chúng sanh như ta vẫn hiểu mà là do các “chúng “ *duyên* với nhau mà “sanh” ra nên gọi là “chúng sanh” thôi! Duyên hết thì chúng sanh cũng hết! Học Phật không được chỉ dựa vào câu chữ mà cũng không được rời câu chữ! Ở đoạn sau của Kim Cang nói rõ: “chúng sanh tức phi chúng sanh”! Ta làm quen cách nói “tức phi... thị danh” này trong Kim Cang! Đây là thứ ngôn ngữ “phá chấp”, cũng gọi là “ngôn ngữ ly niệm”, nhằm giúp phá vỡ “khái niệm” đã đóng khuôn trong vỏ não ta từ lâu. Bởi muốn giúp giải thoát con người thì trước hết phải vượt qua những khái niệm, những định nghĩa cứng nhắc, chằng chịt, như lưới nhện nhện làm cho con người bị gò bó, dính mắc, khó mà thoát ra được. Mỗi ngành học đều có những terminology, thuật ngữ riêng của mình. Danh từ y học chẳng hạn, chỉ người trong ngành hiểu với nhau, người ngoài không sao hiểu chính xác được, thậm chí một số từ y học không thể dịch mà phải phiên âm, phải giữ nguyên gốc để diễn đạt đầy đủ ý nghĩa sâu xa hơn. Chính vì thế mà các thầy thuốc thường chêm... tiếng Latinh với nhau khi nói chuyện, làm cho bệnh nhân nghe chới với không hiểu mô tê, rồi có khi diễn dịch sai, hiểu lầm, đâm ra hoang mang.

Tùy “chúng duyên nhi sanh” là tùy theo các duyên mà sanh ra thứ “chúng sanh” này hay “chúng sanh” khác! Cho nên mới có “vô số vô lượng vô biên” chúng sanh! Bản thân ta cũng là một chúng sanh vì do các “uẩn” (chúng) sắc, thọ, tưởng, hành, thức hợp lại mà thành.... Nói cách khác, do ba mẹ mình “duyên”... với nhau mà có mình, chớ nếu hai người “vô duyên đối diện bất tương phùng” thì còn lâu! Đó là chưa kể ông nội “gặp gỡ” bà nội, ông ngoại “gặp gỡ” bà ngoại. (*Người đâu gặp gỡ làm chi/ Trăm năm biết có duyên gì hay không? ND*).

Cho nên **mình mới có cơ hội mang gène của cả giòng họ kể cả gène tính khí hoặc gène** suyễn, tiểu đường! Hai nguyên tử H và O “duyên” với nhau thì sanh ra thứ này hay thứ khác, nếu thêm C vào nữa thì có khi thành dấm, có khi thành rượu! Ta mà “duyên” với rượu thì cũng lắm chúng sanh sẽ được tạo ra! Con giận chẳng hạn. Vì một lời nói xúc xiểm nào đó của ai đó có khi làm ta bùng bùng nổi giận! Lời qua tiếng lại một lúc thì “chúng” đã “sanh” ra lắm chuyện! Từ chúng sanh “lời nói” có thể chuyển sang chúng sanh “đám đá”... như chơi! Con giận, lòng tham, nổi buồn, sự sợ hãi, lo âu, căng thẳng... đều là những “chúng sanh”, nó quậy phá trong tâm ta làm cho ta bị bán loạn, phiền não, khô đau không ngớt! Ngay cả những con người rất dễ thương quanh ta, có khi mới sáng sớm là tiên, là

Bồ tát, chiều đến đã biến thành Atula, dạ xoa... các thứ như chơi! Mà ta cũng vậy dưới mắt người khác!

Có thực “ba cái lẳng nhặng nó quấy ta” chẳng? Không hẳn! Gió không động, phước không động. Tâm ta mới động. Tâm ta mà thanh tịnh rồi thì “chấp” hết! Con giận nổi buồn gì cũng “diệt độ” xong ngay! “Chúng” nào “sinh” ra thì ta... “diệt độ” hết, nghĩa là dẹp bỏ sạch trơn. Đến lúc mặt hồ không xao động thì ánh trăng mới vàng vạc soi! Nhưng, còn lâu! Còn phải khổ công rèn luyện dài dài! Không thể nóng vội được. Chữ “diệt” ở đây không có nghĩa là tiêu diệt, mà là “dẹp bỏ” qua một bên, hay còn có nghĩa là “không để phát sinh ra” nữa, tức là một trạng thái “vô sinh”! Tiếng Việt ta thật hay: ***sinh sự thì sự sinh***! Vô sinh thì vô sự, mà vô sự thì bình an: “Bình an vô sự”! Vậy nếu ta... rèn luyện giỏi, ta có thể “diệt độ chúng sinh” được lắm chớ! Diệt độ hết chúng sinh mà thực ra không có chúng sinh nào được diệt độ cả, bởi có còn sinh ra nữa đâu mà diệt với độ!

Nhưng hình như thế vẫn còn chẳng phải!

---o0o---

Chẳng phải vậy mà vậy!

Khi hiểu được “chúng sinh tức phi chúng sinh thị danh chúng sinh”, ta tưởng đã nắm được từ khóa để mở vào kho tàng “Kim Cang”, nhưng thực ra còn lâu, bởi vì, vậy mà chẳng phải vậy!

Trở lại không khí buổi truyền trao “gươm báu” lúc đó, thấy không ít người bối rối vì câu nói với ngôn ngữ ly niệm của mình, Phật liền hỏi: Tại sao vậy (hà dĩ cố)? Rồi khẳng định: “Bởi vì Bồ tát mà còn có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ giả thì chẳng phải Bồ tát!”.

Tôi lại một phen chung hứng! Tưởng Phật sẽ giải thích, ai ngờ Ngài lại nói một câu có vẻ chẳng ăn nhập gì với phần trên! Chắc lại có một bí ẩn gì ở đây! Lúc đầu tôi nghĩ đến ngôi thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, số ít số nhiều với các thời quá khứ, hiện tại, vị lai, như một cách chia “verbe” để nói lên mối quan hệ giữa ta, người, không gian, thời gian, nhưng hình như không phải vậy! Tôi lại nghĩ hay đó là một biểu đồ có ba trục không gian và một đường cong thời gian, trên đó, mỗi cá nhân xác định vị trí của mình trong xã hội, mối tương quan của mình với những “chúng sinh” khác ở một thời điểm nào đó! Cũng không phải! Vậy thì... là cái gì? Mãi sau tôi mới vỡ ra: đó chính là trạng thái *vô ngã* của hành giả trên bước đường giải thoát! Hành giả phải “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”- thực sự vô ngã- thì mới có thể “độ nhưt thiết khổ ách”; mà có “độ nhưt thiết khổ ách” cho mình rồi thì mới có

thể giúp cho người khác được, mới xứng danh là Bồ tát. Cho nên đây là một đòi hỏi có tính quyết định, là điều kiện “ắt có”.

Vô ngã không dễ “thấy”! Dù có thể dùng lý luận, triết lý về duyên sinh, duyên khởi, về cái “*Không*” để thấy vô ngã, nhưng đó chỉ là cái vô ngã của lý thuyết, của khái niệm! Còn vô ngã ở đây lại là một trạng thái, một cảnh giới – được cảm nhận bởi hành giả qua một quá trình tu tập dài lâu và miên mật: Thiền! Vâng, chính thiền đã là con đường “độc đạo” mà Phật đã từng nhấn mạnh trong *Tứ niệm xứ* (Satipatthana), trong An ban thủ ý (Anapanasati): “*Đây là con đường độc nhất dẫn tới thanh tịnh cho chúng sanh, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí...*”. Thiền đã có từ xa xưa. Ngay hồi còn nhỏ xíu, một hôm, thái tử Tất Đạt Đa trong lúc ngồi dưới bóng cây coi người ta làm ruộng đã tình cờ rơi vào trạng thái sơ thiền. Sau này trên đường học đạo, Ngài đã gặp hai vị thầy dạy thiền cao nhất thời bấy giờ, và chỉ trong một thời gian ngắn, ngài đã vượt qua tám cảnh giới thiền cho đến phi tưởng phi phi tưởng mà vẫn chưa yên, phải từ biệt ra đi tìm một con đường riêng của mình! Khi đạt đến cảnh giới thiền thứ chín, “Diệt thọ tưởng định” thì mới hết chuyện, lúc đó ngài mới trở thành bậc Giác ngộ thực sự, bậc Toàn giác! Nói cách khác, “Diệt thọ tưởng định” mới là thứ thuốc chữa tận gốc căn bệnh phiền não, khổ đau mà các giai đoạn trước đó chỉ là chữa triệu chứng, kiêu đau đầu chữa đó nên cứ bị tái phát hoài. Chữa tận gốc là chữa dứt điểm, hết sợ tái phát, hết sợ di chứng! “Diệt” trong diệt thọ tưởng định ở đây không mang nghĩa triệt tiêu mà là không để nảy sinh! Cắt bỏ một khối u thì không bằng phòng ngừa để khối u đừng sinh ra. Phòng bệnh hơn chữa bệnh. Tóm lại, để xứng danh là Bồ tát thì phải vượt qua được cửa ải này. Nói khác đi, Bồ tát phải “hành thâm” thiền định cho rốt ráo, đạt đến trạng thái vô ngã- không còn thấy có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả gì nữa cả- không còn phân biệt, chấp trước gì nữa cả – thì mới thênh thang thông tay vào chợ mà không sợ vướng bụi trần!

May thay, nghe cho kỹ thì Phật đã dạy Tu Bồ Đề rất rõ: “Chư Bồ tát *Ma ha tát* ung như thị hàng phục kỳ tâm”. *Ma ha tát* là lớn, là đại! Các vị Đại bồ tát đều đã làm như vậy mà hàng phục cái tâm mình! Chớ còn... “tiểu” Bồ tát hoặc mới phát tâm... sơ sơ, mới lồm bồm học như ta thì cũng chớ nóng vội! Phải từng bước, trì giới, nhẫn nhục, phải tinh tấn... dài lâu!

“Phật cáo Tu Bồ Đề” chính là để nhắc nhở những ai muốn bước vào con đường Bồ tát thì không thể không thiền định. Bởi không *định* thì khó mà tuệ. Giới sẽ dẫn đến định, định sẽ dẫn đến tuệ và ngược lại. Đây là một tam giác cân, có hai chiều xuôi ngược. Theo tôi, để điều trị cho tận gốc bệnh “tham sân si” thì chỉ có thể dùng thuốc đặc trị là “giới định tuệ”. Giới để chữa tham, định chữa sân và tuệ chữa si. Nhưng nếu chỉ chữa triệu chứng thì không thể chữa dứt điểm được, nó sẽ

tái phát, nó sẽ để lại di chứng. Vậy muốn chữa rốt ráo, chữa tận gốc, thì phải phối hợp cả ba thứ thuốc, ba mặt giáp công. Định không thôi dễ mù mịt. *Giới* không thôi dễ cô chấp. *Tuệ* không thôi dễ ba hoa. Tuy vậy rõ ràng là tùy đối tượng mà ba thứ thuốc này sẽ gia giảm cho phù hợp. Người hay “sân”, dễ thương dễ nhớ dễ sầu dễ bi – *Rồi bị thương người ta giữ grom đau/ không muốn chữa không chịu lành thú độc* (Xuân Diệu) hay *Chưa gặp em mà đã biệt ly/ hôn anh theo dõi bóng em đi* (Hàn Mặc Tử)... thì chữa bằng **định** là tốt nhất. Người trí thức, cóp nhặt gom góp, tự hào vì “đầy sách” của mình, thì chữa bằng **tuệ** để không chế, hàng phục triệu chứng “si” trước. Khi **tuệ** sáng ra thì tự dừng thấy cần phải **giới**, cần phải **định**. Nhưng trong cả ba thứ thuốc đó, căn bản nhất theo tôi vẫn là định. Vì có định mới đạt tới vô ngã, mới diệt được “thọ tướng”, mới không còn phân biệt, chấp trước. Lão Tử bảo nhìn người đạt đạo thấy họ “độn độn hề”- nghĩa là thấy họ có vẻ “khù khờ” thế nào ấy- bởi họ đã khác, đã vô tranh, đã vô sinh rồi vậy!

Nếu bài học đầu tiên Phật dạy là đói ăn khát uống, nặng về **Giới** thì bây giờ bài học thứ hai là về **Định**. Từ “Phật cáo Tu Bồ Đề” đến “...tức phi Bồ tát”, có sự nhất quán, trải dài tiến trình thiền định, từ dục giới, sắc giới rồi vô sắc giới, rồi vượt qua tất cả để cuối cùng đạt đến diệt thọ tướng định, còn gọi là “cửu thiên”, bậc thiền thứ chín! Nghe cứ y như “Độc cô cửu kiếm” mà bí quyết nằm ở chỗ các chiêu thức linh hoạt dính kết không tách rời từ hữu chiêu đến vô chiêu cuộn cuộn như nước chảy mây trôi, không kẽ hở, đến một lúc chiêu thức không còn mà chỉ còn kiếm ý, không thấy có ta có người nữa mới thật sáng khoái, mới thật là... tuyệt chiêu! Lúc đó thì đúng là “năng sở song vong”, trâu cũng mất mà người chăn cũng không còn! Hãy đến rồi biết! Đừng nói suông. Phật đã dạy như vậy. Khó thay!

Dĩ nhiên còn có nhiều tầng lớp ý nghĩa khác nữa cần được trải nghiệm để tự khám phá, tự phát hiện. Đó là cái mà trong kinh Phật gọi là “vô lượng nghĩa”! Grom báu trao truyền ở đây chính là khả năng “phá chấp”. Khi còn chấp, nghĩa là còn cột chặt vào một nghĩa cố định nào đó là hãy còn “trụ”, còn dính, còn mắc, sao đạt được cái gọi là “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”? Một chiêu “phá kiếm thức” trong “Độc cô cửu kiếm” của Lệnh Hồ huynh đệ vung lên đủ phá kiếm trận của mười lăm cao thủ võ lâm đang vây hãm chàng. Khi đạt đến vô chiêu, chắc còn kinh thiên động địa hơn nữa! Phá kiếm thức chỉ là một chiêu đơn giản của “phá chấp” thôi! Vào một lúc nào đó ta sẽ cảm nhận, sẽ khám phá thêm, sẽ “ngộ” thêm nhiều tầng lớp ý nghĩa khác nữa. Điều quan trọng là thực hành, là khám phá, là phát hiện qua sự thể nghiệm, trải nghiệm riêng mình. Chính ở đó, mới biết thế nào là không thể nói được (bất khả thuyết), không thể bàn luận được (bất khả tư nghị)! Ngôn ngữ cũng đành “bó tay” vậy!

Con mắt thứ ba

Khi thấy Tu Bồ Đề và mọi người trong thính chúng có vẻ như hả hê vì đã được chỉ dạy xong cách hàng phục tâm, thì Phật đã vội gọi: Lại nữa! Này Tu Bồ Đề! khiến cho mọi người sực tỉnh. Lại nữa ư? Chưa xong, chưa hết ư? Còn nhiều chuyện quan trọng nữa ư? Đúng vậy, Phục thứ, Tu Bồ Đề. Bồ tát ư pháp, ưng vô sở trụ hành ư bồ thí! Bồ tát ở trong pháp, đừng trụ vào đâu cả để làm việc bồ thí!

Tôi lại một phen chung hứng! Bồ tát ở trong pháp? Pháp gì? Ứng vô sở trụ bồ thí là bồ thí làm sao? Tự dừng đang bàn chuyện diệt độ chúng sanh, chuyện thiên định vô ngã cao xa với vội bỗng nhảy ùng vào chuyện xin cho, chuyện com áo gạo tiền, chuyện bồ thí này nọ?

Đọc kinh sách, chúng ta dễ bối rối khi thấy từ “pháp” có lúc là cách thế, là phương pháp, có lúc lại là một trong lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp! Bồ tát ở trong pháp, thì pháp đây là phương pháp, là cách thế. Có sáu cách thế giúp rèn luyện để trở thành một vị Bồ tát gọi là Lục độ: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiên định, Trí tuệ. Bồ thí là yếu tố thứ nhất, được nói đến đầu tiên ở đây! Bồ thí là cửa ngõ dễ nhất – ai cũng có thể làm được- mà cũng là khó nhất, không phải ai cũng làm được!

Với hai câu hỏi của Tu Bồ Đề “Làm cách nào để an trụ tâm? Làm cách nào để hàng phục tâm?” thì Phật đã chỉ dạy cách hàng phục trước. Hàng phục thì... dễ, dạy trước, an trụ khó, dạy sau. Rõ ràng cái tâm viên ý mã, cái tâm quậy phá, như ngựa chúng, như trâu điên sức mấy mà an trụ được nếu chưa hàng phục! Hàng phục là trị nó, là làm cho nó quy hàng, làm cho nó chịu phép, bấy giờ mới tính chuyện “an trú” nó, cho nó ra đảo hoang hay vào rừng sâu. Cũng như người ta phải bắn thuốc mê để hàng phục mấy con voi điên ở rừng Tánh Linh dạo nọ trước khi chở nó lên Darlak để tiếp tục thuần hóa nó, làm cho nó ngoan ngoãn và trở nên hữu ích ?

Hàng phục... không khó, nhưng là bước căn bản, không có không xong! Chỉ cần giới và định là đủ. Giới và định thì hình như những người có mặt trong buổi truyền trao “grom báu” này ai cũng đã quen thuộc, nhiều người thậm chí còn có “chức danh” này khác! Nhưng sao tâm vẫn chưa an? Vẫn thấy còn nhộn nhạo? Ấy là bởi thuốc chưa đủ mạnh, trị chưa tận gốc, cần phối hợp với một thứ thuốc đặc trị mạnh hơn, đó là Tuệ! Có giới, định mà thiếu tuệ vẫn chưa xong, bệnh vẫn còn tái phát. Hàng phục mà chưa an trụ cũng vậy!

“Bồ tát ư pháp, ưng vô sở trụ hành ư bồ thí”! Muốn an trụ tâm ư? Dễ lắm! Thì đừng có trụ vào đâu cả! “Ứng vô sở trụ” là xong hết! Đừng trụ vào đâu cả thì sẽ

được an trụ? Câu nói nghe lạ, nhưng tuyệt diệu! Muốn an tâm ư? Thì hãy vô tâm! Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên (Trần Nhân Tông). Vô tâm ở đây không phải là bỏ mặc, là mặc kệ! Không phải thế. Trần Nhân Tông đã rời bỏ vương triều, đi tu trên núi Yên tử, vậy mà khi quân Nguyên sang xâm lấn nước ta, nhà sư đâu có mặc kệ, ông tức khắc xuống núi, bày mưu tính kế, góp sức đánh đuổi ngoại xâm. Cái “vô tâm” của ông là ở chỗ đánh đuổi xong giặc thì xoa tay, về núi tu tiếp. Muốn an trụ thì vô trụ, muốn an tâm thì vô tâm. Đơn giản vậy. Lục tổ Huệ Năng chỉ nghe lóm một câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” mà ngộ, còn ta sao cứ mãi mịt mờ! Ấy là bởi ta còn ham “dính mắc”, ham tích góp hơn là từ bỏ, buông xả, bỏ thí!

Phật nói rõ hơn: vô sở trụ nghĩa là... đừng có trụ vào sắc bổ thí, đừng có trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp... Tóm lại đừng có trụ vào tướng! Bất trụ tướng bổ thí. Trụ là dựa, là dính, là mắc. Bổ thí mà dính mà mắc, mà dựa vào “tướng”, vào hình thức thì chưa phải là bổ thí đúng nghĩa! Bổ thí mà còn thấy có kẻ cho người nhận, có quay TV để lăng xê tên tuổi, để hù thiên hạ, để “đầu tư” kiếm danh, kiếm lợi, kiếm phước thì chưa phải bổ thí đúng nghĩa. Đúng nghĩa là bổ thí...bất vụ lợi, bổ thí không thấy có ta có người có vật bổ thí, bổ thí được như vậy mới... thực là hạnh phúc. Đó là cách bổ thí vô ngã, bổ thí không dính mắc, không toan tính. Một đời lặn dạn đo rồi đếm/ Mọi gói người đi đứng lại ngồi! (Bùi Giáng). Cái bổ thí mà Phật dạy để có Tuệ chính là cái bổ thí vượt qua, vượt ra, vượt lên, bổ thí ở bờ bên kia, bờ của tuệ giác, bổ thí balamật đó vậy.

Tiếng Hán khá thú vị. Ghép chữ mộc là cây (trần) với mục là mắt (căn) thành “tướng”. Lục trần khi tiếp xúc với lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý), nhất là khi có tâm dính vào thì thành “tướng”, tạo ra đủ thứ chuyện! Như các chàng Đào cốt lục tiên trong tiểu thuyết Kim Dung, ngớ ngớ ngẩn ngẩn, chịu sự sai khiến của người khác, lúc vậy lúc khác, lúc thông thái lúc điên rồ, tranh cãi nhau chí chèo loạn xạ suốt ngày. Người mới tu thường tìm đến núi cao rừng rậm cho khuất mắt, khỏi bận lòng. Họ lánh trần, ly trần (chớ không phải lìa trần) là để không sanh sự nữa. Người đắc đạo rồi thì thông tay vào chợ! Khi Lệnh hồ huynh đệ học được Dịch cân kinh chính truyền rồi thì không còn sợ Đào cốt lục tiên nữa, họ trở thành bạn chí cốt của nhau!

Dò sông dò biển dễ dò. Đừng coi mặt mà bắt hình dong! Thấy vậy mà không phải vậy! Dựa vào “tướng” thì dễ vỡ mộng! Làm chết! Phật cho một thí dụ cụ thể: Thiên hạ nói Phật có 32 tướng tốt, vậy ai có đủ 32 tướng tốt đều có thể coi là Phật chăng? Biết bao lần Đường Tăng làm chết người như thế! Cả Trư Bát Giới, Sa Tăng cũng hì hục lạy yêu quái. Trừ lão Tôn, nhờ con mắt thứ ba, lão Tôn trợn lên một cái thì... vượt qua tướng, thấy cái thực chất, cái tánh bên trong! Hình thức không gạt được lão Tôn! Phật dặn đi dặn lại: Đừng có lấy hình sắc mà tưởng Ta,

đừng có lấy âm thanh mà cầu Ta... ! Thời buổi bây giờ người ta... gạt nhau hơi nhiều! Người khôn ăn bòn kẻ dại. Quảng cáo nghe bùi tai, tiếp thị thấy sướng mắt... Thỉnh thoảng cũng nên trợn con mắt thứ ba lên một cái!

Điều cần nhớ là Phật dạy “bất trụ tướng bồ thí”, “vô sở trụ hành ư bồ thí” chớ không phải không bồ thí. Vẫn có bồ thí, vẫn còn bồ thí, vẫn cần bồ thí. Miếng khi đói bằng gói khi no. “Bồ thí” cách thế sống hạnh phúc, không lo âu, sợ hãi, là cái mà Phật gợi gắm, tin tưởng vào các vị Bồ tát sẽ “vị tha nhơn thuyết”, dù một chữ một câu, dù tứ cú kệ đặng...

Bồ thí đã vậy thì các “độ” khác cũng phải vậy! “Ứng vô sở trụ hành ư bồ thí” thì cũng phải ứng vô sở trụ hành ư trì giới, ứng vô sở trụ hành ư nhẫn nhục v.v... Không chỉ Bồ thí đừng trụ, đừng dính mắc mà trì giới cũng đừng trụ, đừng dính mắc! Quả là không dễ! Không dễ nên mới phải tu, phải rèn, phải luyện dài lâu!

---o0o---

Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm

Một lần nọ, tôi hỏi một vị Sư “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” có phải là câu hay nhất trong kinh Kim Cang không thì Sư nhẹ nhàng bảo không, trong kinh Kim Cang câu nào cũng hay cả! Quả thật dần dần tôi cũng thấy ra kinh Kim Cang chỗ nào cũng hay cả, mà hình như ngày càng hay hơn, nhất là khi... áp dụng vào đời sống hằng ngày, đúng như Edward Conze nói. Cách viết, cách trình bày từng chữ từng câu trong kinh Kim Cang chặt chẽ, thuyết phục và nói chung là... hấp dẫn! Tôi bị cuốn hút vào Kim Cang cũng như trước kia với Tâm Kinh. Tâm Kinh- dạy cho Xá Lợi Phất, một đại đệ tử thông tuệ, trí thức nhất của Phật- hình như là để trả lời rất ráo cho câu hỏi **Tại sao**, mang tính lý thuyết; còn Kim Cang thì nói cho Tu Bồ Đề, vị đại đệ tử giải **không** đệ nhất, vô tranh, ưa tĩnh tịch, vốn xưa là người dễ nổi nóng, dễ giận hờn... là để trả lời cho câu hỏi **Cách nào?**, nhằm hướng dẫn thực hành. Dĩ nhiên những bài giảng này dành cho các đại đệ tử, hoặc các vị tu sĩ, không phải dành cho ta nên ta có lơ ngơ, bỡ ngỡ, chững chững cũng là chuyện bình thường thôi! Có điều, lơ ngơ, bỡ ngỡ, chững chững lại có cái hay của nó. Nó giúp ta tự thâm nhập, tự phát hiện, tham gia trong quá trình nghiền ngẫm, thử nghiệm, khi thấy tin được thì đem áp dụng vào đời sống hằng ngày để giải quyết những vướng mắc, phiền não chẳng cũng khoái ru? Chẳng hạn câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” mà ai cũng biết, ai cũng đọc như thần chú để an ủi cõi lòng mỗi khi phiền muộn, cũng là câu mà Lục tổ Huệ Năng hơn ngàn năm trước, chỉ nghe lóm mà đại ngộ cũng đáng cho ta nghiền ngẫm miệt mài lắm chứ! **Đừng trụ vào đâu cả để mà**

sanh cái tâm thì sẽ...sướng, sẽ vui, sẽ hạnh phúc, sẽ thoát mọi “khổ đau ách nạn”.
Thật ư?

Đừng trụ vào đâu cả? **Đừng trụ vào đâu cả... ư?** Ờ, mà có lý! Khi xem hai đội banh xa lạ đụng độ nhau, tôi sực xoa thưởng thức những đường banh hay đẹp, nhưng khi một trong hai đội là... đội của tôi- tôi là “fan” của họ- thì ôi thôi tôi lo lắng, khổ sở, bực dọc đủ thứ với từng đường banh, từng cầu thủ, trọng tài. Tôi... nguyên rửa, la hét, xỉ vả, rồi mừng rỡ khi đội mình thắng hay ngậm ngùi cay đắng khi đội mình thua! Ăn mất ngon, ngủ mất yên vì cái đội banh... quá quý mà tôi thương mến!

Hai thiên sinh gặp một cô gái ở khúc sông sâu đang lúng túng không dám lội qua. Một vị tình nguyện công cô qua. Trên đường về chùa, vị kia bỗng hỏi:- Làm sao mà một ông sư lại dám công trên lưng một cô gái đẹp như vậy chứ? – Ồ hay, tôi đã “buông” cô ta xuống lâu rồi, còn anh sao vẫn cứ “cõng” cô ta đến bây giờ vậy!

Có nhiều cách cõng. Cõng cô gái là một cách, cõng cái ý tưởng về cõng cô gái là một cách khác. Cô gái thì đã đặt xuống rồi nhưng cái ý tưởng kia thì vẫn còn quán quít mãi không thôi, có lẽ còn đi vào cả giấc mơ! Người kia thấy cô gái là cô gái, cần giúp thì giúp. Người nọ, thấy cô gái là cô gái...đẹp, bản khoăn tự hỏi có nên giúp hay không, giúp có phạm quy không, thậm chí còn bản thân “trăm năm biết có duyên gì hay không” nữa không chừng! Người cõng càng lâu thì càng mệt, càng sớm còng lưng! Nhưng đâu có dễ mà bỏ xuống chứ! Nghi Lâm tiểu sư muội công Lệnh Hồ huynh đệ bị thương (truyện Kim Dung) có một phen mà tâm thần bản loạn dài dài! Cho nên, **Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm thật không dễ!**

Phật dạy muốn không trụ vào đâu cả (vô sở trụ) thì phải ly **tướng**, rồi bỏ các hình thức, hiện tượng bày vẻ bên ngoài, vượt qua hiện tượng để thấy được cái thực chất bên trong. Ly được tất cả các **tướng** đã xứng danh là Phật; thấy được các tướng chẳng phải tướng là đã thấy Như lai! Nhưng làm sao mà ly đây? Thế nên có người lên núi, làm một cái cốc... trong hang động để xa lánh sự đời! Nhưng vẫn chưa ổn chút nào vì cái tâm vẫn cứ còn quậy phá. Rõ ràng ở đây không phải vấn đề trốn chạy, vì chạy đi đâu cho thoát cái tâm chính mình, một khi tâm vẫn chưa an? Khi tâm đã an rồi thì đâu chẳng là... cốc, đâu chẳng là hang động? Cho nên có thể nói chuyện từ “ly tướng” bên ngoài đến... “ly tướng” bên trong là cả một sự chuyển hóa từ lượng sang chất.

“Thị cố, Tu Bồ Đề ! Chư Bồ tát Ma ha tát ưng như thị sanh thanh tịnh tâm...Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ... Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm!”.

Vậy đó, Tu Bồ Đề! các vị Đại bồ tát làm như vậy đó mà có được tâm thanh tịnh! Làm như vậy đó là làm làm sao? Câu trả lời là rời khỏi các tướng, không còn phân biệt ngã nhân, chúng sanh, thọ giả, là tách rời mọi thứ hiện tượng, không để bị mà mắt, bị hút vào những chuyện lăng xăng, ý niệm ngôn từ nọ kia, làm cho người ta vướng mắc, vướng vầy không ra như mắc vào lưới cá! Những vị Đại bồ tát đó đã thực hành bố thí kiêu mới, bố thí không dính mắc; trì giới, nhẫn nhục kiêu mới... và dĩ nhiên cũng đã có tuệ giác kiêu mới, vượt lên, vượt qua, vượt ra... Gaté, gaté, paragaté!

Kinh Duy Ma Cật kê có một lần kia, trong một buổi họp mặt giữa các vị Bồ tát, các vị được người ta tung hoa đầy người – giống như các *fan* hâm mộ tung *confetti* vào thần tượng của mình bây giờ- thì đa số các vị người nào cũng bị dính, trừ các Đại bồ tát! Nên nhớ, các vị Đại...Bồ tát! Chớ còn Tiểu... bồ tát hoặc Bồ tát... sơ sơ thì có dính confetti chút đỉnh cũng không sao. Từ từ mà gỡ. Đừng nóng vội! Đại Bồ tát thì... trơn tuột, không còn cái gì có thể dính được nữa! Kim Cang viết thật súc tích, chặt chẽ: Vì Đại Bồ tát là những vị đã **thật** vô sở đắc, **thật** vô sở hành... Những chữ “thật” đó khiến ta không khỏi giật mình. Họ hiểu lời Phật dạy là chiếc bè giúp qua sông; hiểu ngón tay Phật chỉ là để nhìn thấy trăng chớ không phải trăng... Tóm lại, tâm họ đã hoàn toàn “vô sở trụ”, không trụ vào đâu cả, không dính mắc vào đâu cả ! Không trụ vào đâu cả thì chỉ còn có một chỗ để trụ ấy là... tự tại! Quán Tự tại Bồ tát...hành thâm Bát nhã...!

“Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên”, Trần Nhân Tông, sư tổ Trúc Lâm đã nói đến cái **vô tâm** như vậy từ bảy trăm năm trước, còn Lục tổ Huệ Năng, thì hơn một ngàn ba trăm năm trước cũng đã nói đến **vô niệm**. Dĩ nhiên vô tâm không phải là không có tâm, không còn tâm, cũng như vô niệm không phải là không có niệm, không còn niệm. Vô niệm, vô tâm thực ra chỉ có nghĩa là cái tâm trong sáng, cái niệm thanh tịnh, đã hoàn toàn không còn phân biệt, không còn dính mắc (chấp trước). Trần Nhân Tông vẫn xuống núi, đánh đuổi quân Nguyên, nhưng khi xong giặc thì trở về núi tu tiếp, không “dính mắc” chi nữa! Còn Huệ Năng, “ngộ” rồi mà vẫn lăn trong đám thợ săn hàng chục năm để tu rèn và giúp đỡ người. Cho nên tâm cứ sanh miễn là tâm thiện, tâm có ích cho mình, cho đời. “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” cũng chính là “Ứng sanh kỳ tâm nhi... vô sở trụ” vậy! Đâu có bảo phải dập tắt tâm đi, thui chột tâm đi, tiêu diệt tâm đi để trở thành sỏi đá hay người ngo ngáo tâm thần sao? Mà **“ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau”(TCS) kia mà!**

Tu Bồ Đề hào hứng hỏi: Thưa Thế tôn, vậy xin hỏi kinh này có tên gọi là gì và phụng trì ra sao? Phật nói: Kinh này gọi là Kim Cang Bát nhã Balamật. Nói xong hình như Phật giật mình, coi chừng, không khéo họ lại... “trụ” vào nữa thì

hông hét! Phật bèn nói tiếp: Bát Nhã Balamật không phải là Bát Nhã Balamật nên mới gọi là Bát Nhã Balamật vậy!

---o0o---

Con mắt còn lại

Phật bỗng hỏi Tu Bồ Đề, ông nghĩ sao? Như Lai có “mắt thịt” không? Dạ có! Như Lai có mắt thịt! Tu Bồ Đề vội đáp. Hỏi ta, chắc ta áp ứng, không dám nói. Ta dễ nghĩ rằng Phật hẳn chỉ có phật nhãn (mắt Phật) còn phàm phu chúng ta mới có nhục nhãn (mắt thịt) chứ, ai dè kinh Kim Cang nói Phật cũng có nhục nhãn như phàm phu, chẳng cũng khoái ru? Và lòng tự tin trong ta bỗng dâng lên. Ta có khác gì Phật đâu, chẳng qua... Hèn chi mà Bồ tát Thường Bất Khinh gặp ai cũng cung kính vái chào “Xin chào ngài, một vị Phật tương lai... “. Thế rồi Tu Bồ Đề dạ có, dạ có, năm lần cả thầy! Thì ra Phật có đủ cả năm thứ con mắt: nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn... Những 5 thứ mắt ư, có nhiều quá lắm không?

Dĩ nhiên “mắt” là để nhìn, để “thấy”! Và, nhiều loại con mắt là để thấy nhiều ... kiểu khác nhau – nói khác đi là để nhìn dưới nhiều “quan điểm”- chứ không khư khư bám chặt lấy quan điểm của mình, khư khư cho rằng mình đúng người sai để chí chóa hoặc để thương căng tay hạ căng chân! “Thấy” như thế nào là một chuyện hệ trọng. Thấy thế nào sẽ dẫn tới nghĩ suy, nói năng, hành động thế đó! Thấy sai sẽ suy nghĩ, hành động sai. Cho nên Quán Thế Âm bồ tát mới có nghìn mắt nghìn tay mà trên mỗi bàn tay đều có một con mắt!

Thấy và *biết* liên quan chặt chẽ với nhau nhưng không phải là một! Thấy vậy mà không phải vậy, không phải vậy mà vậy! *Thấy* có thể dẫn đến cái biết, nhưng biết không ở chỗ cái thấy. Bởi thấy do mắt còn biết thì do... “nào”! Vậy mới có xung đột, mười người mười ý, mới có “điên đảo mộng tưởng”! Biết rộng dễ thấy rộng – nhìn xa trông rộng- biết ít dễ thấy hẹp, thiên kiến, thiên cận! Ếch ngồi đáy giếng!

Trong *Bát chánh đạo* thì Chánh kiến ở vị trí số một! “Kiến” mà không chánh thì dễ lệch lạc! Chánh kiến rồi mới có chánh tư duy! Không thì cứ loay hoay không lối thoát hoặc hý luận chẳng tới đâu!

Thấy và biết có khi xa lơ xa lắc dù cũng *căn* đó cũng *trần* đó! Chuyên kể hai vợ chồng nhà kia đang xem xiếc trong rạp. Cô diễn viên trẻ đẹp mặc một bộ đồ biểu diễn rất hấp dẫn đang treo toong teng trên chiếc đu bay! Người vợ bỗng kêu lên: Bên dưới không có gì hết! Anh chồng gật đầu đồng ý. Nhưng sau một lúc nhìn

kỹ lại, anh nói: Không phải! Bên dưới có lớp vải màu da người đó chứ! “Tôi muốn nói không có lưới bảo đảm dưới cái đu bay, còn ông đang nói về cái gì vậy hử?”! Thì ra, yêu nhau là cùng nhìn về một hướng nhưng thấy... khác nhau! Người vợ thì... từ bi, ông chồng thì... từ ái!

Chỉ riêng nhục nhãn, mắt thịt, đủ lời thôi rồi! Nhãn cầu to hơn một chút đã sinh tật cận thị, trông gà hóa cuốc Giác mạc cong không đều một chút, đã sinh loạn thị, nhìn cái gì cũng méo mó. Rồi loạn sắc, quáng gà... đủ thứ! Rồi cườm nước, cườm khô, bong võng mạc, thoái hóa hoàng điểm, hoa đốm hư không, cứ tưởng tại không gian ai ngờ tại mắt mình lão hóa! Khi mất dao thì cái mắt thịt đó thấy người nào cũng giống kẻ ăn cắp dao. Mắt thịt chỉ là một cấu trúc của “tứ đại” giúp ta thấy - mà không giúp ta biết. Cái biết nằm ở đằng sau kia. Nằm ở vỏ não, ở thùy chẩm kia. Mắt thịt chỉ tiếp thu ánh sáng, hình thể, màu sắc... rồi dẫn truyền về cho não phân tích, tổng hợp, so sánh... Tâm thức thế nào thì vạn pháp thế đó. Mặc sức mà vẽ vời. Mặc sức mà diễn dịch, mà phê phán, nhận xét, rồi chí chóc, rồi sứt càng mẽ gọng vì những “nhỡn quan” khác nhau! Mắt thịt không có lỗi! Căn trần gặp nhau tạo ra “*trường*” thì cái tướng cũng không có lỗi! Chính cái tâm ta nhiều sự, “dán” vào cái tướng đó mới thành cái “*trường*”, mới sinh sự. Mà sinh sự thì sự sinh! Các vị Alahán được gọi là “vô sinh” bởi họ đã được giải thoát!

Vấn đề là chuyển hóa cái tâm đó cách nào, huấn luyện cái tâm đó ra sao, để thấy cho đúng và biết cho đúng. Từ cái tâm “điên đảo mộng tưởng”, cái tâm luôn sinh sự, xuyên tạc, lăng xăng, căng thẳng, mệt mỏi đến cái tâm “vô sinh”, vô sự, vô hành... thành thoi vui thú có khó lắm không? Khó, nhưng có thể. Miễn là phải *tinhtán, phải thiên định*... để đạt đến trí tuệ. Khi rèn tập như vậy, dần dà ta có những con mắt... mới!

Thiên nhãn- mắt thần – là những loại... siêu âm, nội soi, chụp cắt lớp (MRI) bây giờ! Nó cũng là... kính hiển vi điện tử, phóng lớn hàng triệu lần, là viễn vọng kính khổng lồ... nhìn xa hàng triệu năm ánh sáng! Thời Phật chưa có hiển vi điện tử, chưa có viễn vọng kính, chưa có siêu âm, chụp cắt lớp... vậy mà Phật vẫn thấy được trong ly nước kia có vô số những vi sinh vật, thấy được tam thiên đại thiên thế giới chứ không phải chỉ mình ta cô độc trên quả địa cầu! Quả là Phật có ... thiên nhãn! Các nhà khoa học thường dừng lại ở thiên nhãn. Bởi họ chỉ lo tìm kiếm, phát hiện những thứ ở bên ngoài mà quên nhìn vào bên trong, khám phá, phát hiện những thứ từ bên trong. Trừ những nhà khoa học cỡ như Einstein. Gần đây có vẻ các nhà vật lý học, các nhà y sinh học, với những tiến bộ khoa học kỹ thuật của mình đã có thể “thấy” ra nhiều chuyện lạ, và họ đã giật mình không ít. Tuệ nhãn là con mắt thứ ba, con mắt *bất nhị*, con mắt nhìn rõ chân không mà diệu

hữu, vô thường, vô ngã. Tuệ nhãn có khi là đủ. Đủ để dừng chân, đủ để quay đầu lại. Đủ để vượt qua “bờ bên kia”. Tầm tìm cười một mình. Ung dung. Tự tại.

Thế nhưng, hình như mọi sự không dừng lại ở đó. Nếu chỉ vậy thì đức Phật có lẽ sẽ quanh quẩn dưới gốc cây bồ đề việc gì phải lặn lội gió mưa đi khát thực và truyền trao giáo pháp suốt cả cuộc đời? Những vị học trò của Phật chắc cũng yên bề tự tại, có đâu buổi truyền trao “gươm báu” nhằm hướng dẫn một lớp trai thiện gái lành dần thân vào đời làm những vị Bồ tát hôm nay? Cho nên cần có “pháp nhãn”! Con mắt pháp (pháp nhãn) là một “con mắt” lý tưởng, hoài bão cao đẹp, có phần “lãng mạn” nữa! Muốn vậy họ phải xả thân, phải chí nguyện, và trước hết phải... “chứng ngừa” đầy đủ cho chính mình trước khi xuống núi! Không chứng ngừa đầy đủ, họ dễ bị nhiễm ô, mắc bệnh! Kinh Kim Cang luôn nghiêm khắc nhắc nhở chưa có điều này thì chưa xứng danh Bồ tát, chưa có điều kia thì chưa xứng danh Bồ tát! Có con mắt pháp đó họ mới đủ sức thõng tay vào chợ. Anh chàng Tất Đạt trong “Câu chuyện của dòng sông” (Hermann Hess, Phùng Khánh dịch) là một điển hình! Một vị sa môn, lặn lội vào đời, gặp một người đàn bà đẹp, tham gia vào chuyện buôn bán làm ăn, mới đầu mọi thứ trôi chảy nhưng sau thì... sụp đổ hoàn toàn. Chàng tuyệt vọng, sấp tự tử bên bờ sông, chợt nghe được lời mách bảo của dòng sông mà đại ngộ! Lần này thì “ngộ” thiệt! Lần trước – dưới màu áo sa môn-tưởng ngộ mà chưa ngộ. Thế rồi chàng trở thành một lão già chèo đò, ngày ngày đưa khách sang sông! Có *pháp nhãn* rồi mới có thể tùy duyên mà bất biến, bất biến mà tùy duyên đó vậy!

Tu Bồ Đề! Ý vân hà? Như lai hữu Phật nhãn phủ? Tu Bồ Đề, ông nghĩ sao? Như lai có Phật nhãn không? Phật mà không có Phật nhãn thì ai có? Nhưng Phật nhãn là gì? Là cái thấy cái biết của Phật, là “tri kiến Phật”. Ba chục năm trước khi chưa đi tu thấy núi là núi, thấy sông là sông, sau nhân theo bậc thiện tri thức chỉ cho chỗ vào, thấy núi chẳng phải núi, sông chẳng phải sông, rồi nay thể nhập chốn yên vui, tịch tĩnh, lại thấy núi là núi, sông là sông... Một thiên sư bực bực.

Phật không cần phải tốn nhiều thời gian đến thế, với cái nhìn Phật nhãn, cái “tri kiến Phật” thì núi bao giờ cũng là núi và sông bao giờ cũng là sông. Nhưng đó là một cái núi khác, cái sông khác, cái núi của ‘sắc tức thị không’ và cái sông của ‘không tức thị sắc’, không vướng bận, không dính mắc.

Bùi Giáng, một thi sĩ thâm đắm Kim Cang thường hạ những câu “hà dĩ cố” trong thơ có lần viết “Còn hai con mắt khóc người một con...” mà Trịnh Công Sơn đã nối theo: *Còn hai con mắt một con khóc người! Con mắt còn lại...? Ừ, con mắt còn lại thì sao nhỉ? Con mắt còn lại... nhìn một thành hai, nhìn em yêu thương nhìn em thú dữ... Con mắt còn lại là con mắt ai? Con mắt còn lại nhìn tôi... thờ*

dài! “ (TCS). Phải rồi, cái con mắt còn lại quả thực là con mắt gây phiền hà! Nó bị diplobie, nhìn một thành hai! Nhưng người bị diplobie thì nhìn một thành hai giống hệt nhau còn đầu này nó nhìn em... yêu thương thành em thú dữ, rồi còn “*nhìn tôi lên cao nhìn tôi xuống thấp...*”, nghĩa là cái nhìn đầy hận thù, hằn học, “phân biệt đối xử”! Nó như của ai khác- “con mắt còn lại là con mắt ai?”- nó quan sát ta, nhìn ngắm ta và rồi nó ...thở dài thấy mà ghét! Thở dài, bởi nó thấy ta tội nghiệp! Thấy ta đáng đời! “ Ta đã làm chi đời ta?” (VHC); rồi “... đời tôi ngốc dại, tự làm khô héo tôi đây...” (TCS). Chi mà khổ rứa? Đó chính là con mắt của “Thức”. Của biện biệt, so sánh, đếm đo. Khi “thức” biến thành “trí” thì mọi chuyện đã khác! Trí là trí tuệ, ở đây là Prajnā, Bát Nhã! Lúc đó, *Con mắt còn lại / nhìn đời là không / nhìn em hư vô/ nhìn em bóng nắng!* Là không, chứ không phải bằng không! Là không, đó là cái không của có, cái có của không. Không bắt dị sắc. Không tức thị sắc. Duyên sinh. Vô thường, Vô ngã... Tóm lại, còn hai con mắt... ”khóc người một con” kia là con mắt của Bi! “Con mắt còn lại nhìn đời là không” này chính là con mắt của Tuệ. Bi mà không có Tuệ (Trí) thì cứ sẽ khóc hoài, đổ không nín. Nên cần có con mắt Tuệ để “giải thoát”. Giải thoát cho mình và giải thoát cho người, dĩ nhiên.

---o0o---

Chẳng một, chẳng khác

“Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp” (tất cả pháp đều là pháp Phật) không có nghĩa là các pháp đều do Phật... làm ra, mà chỉ muốn nói một sự thật là tất cả các pháp đều “vô ngã”! Vô ngã bởi *vô thường*, bởi *duyên sanh*. Bởi không có tự tính riêng biệt. Nó được tạo ra do những điều kiện như một phản ứng hóa học nhờ một xúc tác, nhờ nhiệt độ, áp suất nào đó... của tâm. Khi hợp khi tan, khi còn khi mất. Như ráng chiều, như mưa sớm, như tia chớp, như sương mai. Tâm vô thường. Pháp vô ngã. Phật là phàm phu giác ngộ, thấy biết cái chuyện hiển nhiên đó nên thoát khổ. Còn ta, ta cũng thấy, cũng biết mà sao cứ mãi loay hoay? Bởi thấy đó mà quên đó. Không chịu “sửa”, không chịu “tu”, không chịu uốn nắn cái tâm mình nên mới sinh sự, mới khổ, mới mệt, mới vất vả. Đáng đời ta! Còn người có tu, có sửa, thấy được cái “Nó vậy đó” rồi thì sẽ vui, sẽ hạnh phúc, vì đã “đặt gánh nặng xuống” rồi vậy! Một xã hội mà ai ai cũng vui, cũng hạnh phúc hoá ra là Thiên đường, là Niết bàn ư? Sao không! Cái đó có thể gọi là cõi Phật, là Phật quốc, Phật độ. Thiên đàng hay Niết bàn có ngay ở đây và bây giờ nếu ta biết làm cho “cõi người ta” trở thành “cõi Phật” đó vậy!

Có lẽ thánh chúng – những trai thiện, những gái lành- được nghe bài học trong buổi truyền trao “ guom báu” hôm đó đã mừng tượng ngay ra một cảnh “*thở thê*

rừng mai chim cúng trái, lừng lò khe yến cá nghe kinh...”(CMT), nên ai cũng háo hức muốn ra tay làm cái gì đó, sắp đặt, bày biện cái gì đó, để tạo dựng nên một thế giới an bình thanh tịnh cho mọi người, cũng có người nghĩ đến chuyện phát cờ giống trống nhằm thu hút “chúng sanh” để có cơ hội mà...”vị tha nhơn thuyết”!

Phật như “đi guốc” trong bụng mọi người bèn nghiêm khắc bảo: “Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm!”. Trang nghiêm cõi Phật ư? Chẳng phải trang nghiêm mới thực là trang nghiêm!

Bởi trang nghiêm mà chăm bẵm, mà cố tình vẽ vờ, kiểu cọ... thì đã bị dính bị mắc, không đáng gọi là Bồ tát. Như người thầy thuốc kém chuyên môn dễ bày biện những đồ nghề loảng xoảng để hù dọa bệnh nhân, dễ châm hàng tràng tiếng Latinh để khiếp phục người bệnh! Thầy thuốc giỏi thì không cần phải vậy. Không cần bày vẽ, không cần hù dọa. Cho nên trang nghiêm đúng nghĩa thì không cần phải trang nghiêm mà vẫn cứ là trang nghiêm. Trang nghiêm tự bên trong kia! Bồ tát tu lục độ vạn hạnh cho đàng hoàng, tới nơi tới chốn rồi thì không cần phải trang nghiêm mà vẫn là trang nghiêm đó vậy! Nhưng, coi thường trang nghiêm, bảo không cần trang nghiêm thì cũng không phải. Thì quay về núi, ngồi dưới gốc cây, hỏi không đáp cho xong.

Tôi thường lang thang thăm thú các chùa chiền nơi này nơi khác. Lang thang và nhìn ngắm, hít thở, học hỏi. Có nơi, xưa là chốn u nhàn, thanh tịnh, chơn chất, tự dung thấy lòng sáng khoái, lâng lâng, nay “cơ chế thị trường” đã tô son trét phấn, thếp vàng dát bạc, tự dung thấy lòng hoang mang, bỡ ngỡ. Nhưng nghĩ lại, tại mình. Không phải tại phước, cũng chẳng phải tại gió! Cát chùa, xây tháp, đắp tượng, đúc chuông ... cần lắm chứ. Gõ mõ tụng kinh, niệm Phật... cần lắm chứ. Gõ mõ tụng kinh cho đến nhất tâm bất loạn chẳng phải là định, là tuệ sao? Cầu nguyện cho đến mức thấy mình... tan rã cùng tượng đá chẳng phải là... thiền sao? Lạy Phật mà đúng cách, đúng kỹ thuật, theo cùng hơi thở chánh niệm thì chẳng những không còn đau lưng sung khớp mà còn giúp cho máu huyết lưu thông, tăng cường sức đề kháng, sức dẻo dai cho cơ thể đó chứ!

Một khung cảnh “*Thở thở rừng mai chim cúng trái/ Lừng lò khe yến cá nghe kinh/ Vẳng bên tai một tiếng chày kinh...*” cũng khiến cho “*Khách tang hải giật mình trong giấc mộng!*” (Chu Mạnh Trinh) đó chứ! Làm cho người ta giật mình cũng cần lắm chứ! Giật mình mới sực tỉnh được! Tỉnh rồi mới ngộ được chứ! Chuyện hình thức đâu có thể coi thường!

Không có Hàn San tự kia thì sao có tiếng chuông chùa làm nao lòng lũ khách giữa đêm khuya tự ngàn năm cũ?

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô tô thành ngoại Hàn San tự
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền
(Trương Kế).

*Trăng tà, tiếng quạ kêu sương
Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ
Thuyền ai đậu bến Cô tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.*
(Tản Đà dịch).

Nhưng do đâu mà lũ khách rúng động vì tiếng chuông chùa Hàn San? Hay chỉ vì trăng tà, tiếng quạ, sương khuya, lửa chài, cây bến... đã bày biện cho lũ khách một cõi tâm hồn, một cõi “trang nghiêm”, một cuộc dọn mình để tiếp nhận tiếng chuông chùa vang vọng giữa đêm khuya? Người thỉnh chuông có ý gì đâu? Tiếng chuông có ý gì đâu?

Học Kim Cang tôi cứ giật mình đánh thót. Đang hào hứng thì bị “dội” ngay một gáo nước lạnh, đang mơ màng thì bị giật tóc mai, đang ngon trớn thì bỗng khựng lại, vừa định chê bai thì vô đui, thì ra thế, vừa định gật gù thì cốc đầu, không phải vậy! Nghiền ngẫm, học hỏi rồi mới thấy Kim Cang thực ra có hai phần rõ rệt, mà trộn lẫn vào nhau, đan chéo lấy nhau. Hai mà một, một mà hai. Chẳng phải một mà cũng chẳng phải khác! Phần đầu dạy “ly tướng”, *đừng trụ vào đâu cả để mà sanh tâm*, Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm; phần sau dạy “ly niệm” (vô niệm), *cứ sanh tâm đi miễn là đừng trụ vào đâu cả!* Ưng sanh kỳ tâm nhi... vô sở trụ, hay nói cách khác là “Ưng sanh vô sở trụ tâm”. Một đằng, dạy không để bị cuốn hút vào những màu sắc, những âm thanh, mùi vị ... Bỏ tất mà còn cứ chăm bẵm “dĩ sắc, dĩ thanh âm” thì... đang “hành tà đạo”. Tâm thông thì thuyết mới thông! Dù có mở cờ gióng trống đi nữa chẳng qua cũng chỉ là cái có, cái duyên, chẳng cầu, chẳng bận. Cứ rèn luyện nội công cho thâm hậu đi, đừng nóng vội khoe khoan chiêu thức! Người mới học võ nào cũng ham, cũng mê chiêu thức! Khi nội

công thâm hậu rồi thì một cái búng tay, một cái giở chân, một tiếng đàn, tiếng sáo... chẳng phải là tuyệt chiêu đó sao?

---o0o---

Đổi cảnh vô tâm

Nhân vô ngã và pháp vô ngã như hai cánh chim bay lượn. Như Đò long đao phải có Ý thiên kiếm! Như Ý thiên kiếm phải có Đò long đao! Khi lấy được bí quyết giấu trong Đò long đao, dẹp được giặc ngoại xâm rồi thì Trương Vô Kỵ về... vẽ lông mày cho Triệu Minh! Khi đánh đuổi xong giặc Nguyên Mông rồi thì Trần Nhân Tông rửa tay gác kiếm, một mình một ngựa quay về Yên Tử!

Cái “đổi cảnh vô tâm” ở đây mới thật là tuyệt vời đó vậy!

Lại nói về Tu Bồ Đề, sau khi đã hỏi rõ tên kinh, sau khi đã ngậm ngùi rơi lệ, cảm thán bao nhiêu năm theo Phật mà bây giờ mới được nghe lời dạy thâm sâu thế này, bỗng đứng lên lặp lại câu hỏi lúc đầu lần nữa, cứ y như chưa hề nghe gì cả! Lại thật! Chẳng lẽ Tu Bồ Đề đã “lẩn”, đã “lắm cảm” đến độ vậy sao? Điều đáng ngạc nhiên là Phật không hề rầy la “Ông chớ nói vậy!” mà trái lại còn trả lời một cách ân cần hơn! Chắc phải có điều chi bí ẩn ở đây!

Học Kim Cang, tôi cứ rơi từ chung hứng này sang chung hứng khác, từ bờ ngữ này sang bờ ngữ khác. Chắc hông phải vô có mà Phật chọn Tu Bồ Đề để dạy Kim Cang cũng như chọn Xá Lợi Phất để dạy Tâm kinh! Ở đây một thầy một trò đã tung hứng, sắm vai (role playing) rất khéo để hướng dẫn một lớp đệ tử mới, những người dần thân, sẵn sàng xuống núi cứu khỏn phò nguy chớ không im lìm khỏ hạnh dưới những tàn cây tìm đường giải thoát cho riêng mình.

Cho nên suốt Kinh Kim Cang, Phật nhắc đi nhắc lại, động viên các đệ tử hãy “vị nơn diễn thuyết”, hãy “quảng vị nơn thuyết” dù chỉ tứ cú kệ đặng, dù chỉ một câu một chữ! Một câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” đủ khiến Lục tổ Huệ Năng tỉnh ngộ, một chữ “từ bi hỷ xả” đủ để mang lại hạnh phúc cho mình, cho người! Xuyên suốt Kim Cang, ta thấy Đức Phật muốn truyền bá Chánh pháp rộng rãi, làm cho bánh xe pháp mau lăn đi, kịp cứu người ra khỏi “căn nhà lửa”! Tình trạng lửa cháy mà nhân nha, rù rì hoài sao được. Phải hành động.

Phải nhanh chóng. Dập tắt lửa. Cứu người. Thậm chí có kẻ nào vì cứu người mà bị cháy xém, bị hiểu lầm, bị chê cười, chế giễu, sỉ nhục... thì cũng nên hiểu rằng ấy là “nghiệp” xưa phải trả, nợ xưa phải đền. Cứ nhẫn nhục. Cứ tinh tấn. Không nản chí. Không dao động. Thế nhưng cái nguy cơ vẫn còn rình rập ở đó, bởi

lại để có khuynh hướng xây nên những bức tường mới ngăn chặn mọi mầm móng phát triển do chấp bám, kiêu căng, tự mãn.

Cho nên mặc dù đã dạy rất ráo ở phần trước rồi, Đức Phật không quên nhắc đi nhắc lại rằng “pháp” mà Phật dạy là bất khả đắc, bất khả thủ, là vô thực vô hư, là chiếc bè qua sông, là ngón tay chỉ trăng! Nhưng trong cái không khí háo hức, sôi nổi của buổi truyền trao “gươm báu” này không khéo lại nảy sinh những vấn đề mới!

Có lẽ nhận ra cái “tâm” chưa an, chưa trụ chút nào của thính chúng, Tu Bồ Đề đành phải nhắc lại câu hỏi lần nữa! Không hề có chuyện “lẩn”, chuyện “lầm cảm” ở đây!

Nhưng, thật ra, cả phần đầu của nửa bộ kinh Kim Cang, Phật mới chỉ dạy...một nửa! Còn một nửa nữa! Phần nửa đầu bộ kinh nhấn mạnh đến việc có một thứ “pháp” để hành, nếu muốn được tâm thanh tịnh. “Bồ tát ư pháp, hành ư...”. Nghĩa là cứ theo pháp đã dạy đó mà thực hành. Nào bồ thí, nào trì giới, nào nào nhẫn nhục... cứ thế, miễn là làm theo một cách mới. “Bồ thí mà không phải bồ thí”. Vượt qua, vượt lên, không vương, không kẹt vào tướng, không trụ vào đâu cả! Còn tướng là còn “hư vọng”. Phải thấy tướng chẳng phải tướng mới thấy đúng bản chất, sự thật, chân như.

Nói khác đi, tướng vẫn còn là cái gì đó rất “vật chất”, là cái thấy nghe, nếm ngửi, sờ rẫm được. Cái đó nói chung, “ly” không khó, rời bỏ không khó. Cứ trốn vào hang núi, trốn vào rừng sâu là xong. Tắt cái đài (TV) thì hết chuyện, bấm cái nút thì hết nghe... dù đang ở trong một thế giới phẳng! Giả mù, giả điếc, giả câm, không khó! Chuyện dễ òm vậy mà lâu nay sao nó vẫn làm khổ ta, hớp hồn ta, quay ta như quay dế, làm ta thất điên bát đảo, để rồi khi “nhìn lại mình” thì “đời đã xanh rêu”, để rồi khi “chiều hôm thức dậy, ngồi ôm tóc dài” thì giật mình”chập chờn lau trắng trong tay”(TCS)!

“Ly tướng” dễ ư? Vậy có cái gì “ly” khó hơn nữa chẳng? Có đó! Môi tình đầu bao giờ cũng đẹp. Người xưa bao giờ cũng... tuyệt vời (miễn là đừng gặp lại!). Một lời nói của kẻ thù bao giờ cũng sôi sục. Mười năm quân tử...trả thù chưa muộn! ”Thù trả chưa xong đầu đã bạc”! Cái gì làm ta sôi? Cái gì làm ta sục? Cái gì làm ta thấy đẹp hơn xấu hơn? Không phải là tướng nữa rồi mà là tướng, là tâm, là niệm.

Lá cái không hình không sắc, không mùi vị, chẳng âm thanh...Nó “núp” ở đâu đó trong ta, từ một kho chứa “vô hình” nào đó, sẵn sàng bùng lên ngọn lửa phừng phừng trong ta với đủ thứ phép màu đó vậy? “Ngày xưa mưa rơi thì sao, bây

chờ nghe mưa lại buồn...” là không phải tại mưa mà là tại ta. Cẩn gặp trần mới là cảnh, là tướng, khi có tâm vào mới thành tướng, mới sinh chuyện! Chữ Hán tượng hình viết rất khéo! Dính tám vào đâu thì nó dính cứng ngắt, ngũ cũng chiêm bao! Nhớ thương biết bao giờ nguôi!” (CT).

Trốn chạy nó cách nào, hàng phục nó cách nào, trụ nó cách nào, cái tâm “sinh sự” đó? Câu hỏi quá hay chớ? Đáng hỏi cho rõ ngọn ngành chớ! Tóm lại mộ nữa trước Kim Cang dạy ta cách “ly tướng”, một nửa cuốn kinh sau dạy cho ta cách “ly niệm” (ly tâm). Cái dễ dạy trước, cái khó dạy sau!

Rõ ràng cách trả lời là không giống nhau cho một câu hỏi giống nhau! Lúc mới phát tâm sơ sơ thì phải làm như vậy như vậy, bây giờ đã “đương sanh như thị tâm” rồi, dễ tưởng mình có “pháp” để truyền, có “pháp” để thuyết nên còn dễ vương bận hơn xưa, dễ dính mắc hơn xưa, dễ vác bè khi đã qua sông, dễ bắt mọi người nhìn ngón tay mình..!

Phật dạy gì? Chẳng có pháp gì để đắc cả đâu! Cái gọi là “A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề” gì đó nó đã sẵn có đó rồi, ai cũng sẵn có đó rồi, chẳng qua bị che khuất đi mà thôi. Tìm thấy một món sẵn có sao gọi là “đắc”? Thế nhưng cũng không phải là không có. Nó có mà là không. Nó không mà là có. Vô thật vô hư. Thú vị là khi thấy được điều ẩn tàng bên trong mọi “pháp”, vượt qua tướng để thấy “thật tướng” thì pháp nào cũng là pháp Phật cả : “Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp”. Pháp ở đây không còn khu trú ở nghĩa một cách thế, mộ phương pháp nữa mà đã là toàn bộ sự vận hành của tâm, nội dung của tâm.

Và như vậy, pháp vô ngã cũng như nhân vô ngã!

Tu Bồ Đề, nhược Bồ tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như lai thuyết danh chơn thị Bồ tát. Bồ tát phải thông pháp vô ngã cũng như thông nhân vô ngã, mới xứng danh là Bồ tát! Nhân vô ngã và pháp vô ngã như hai cánh chim bay lượn.

Như Đò long đao phải có Y thiên kiếm! Như Y thiên kiếm phải có Đò long đao! Khi lấy được bí quyết giấu trong Đò long đao, dẹp được giặc ngoại xâm rồi thì Trương Vô Kỵ về... vẽ lông mày cho Triệu Minh! Khi đánh đuổi xong giặc Nguyên Mông rồi thì Trần Nhân Tông rửa tay gác kiếm, một mình một ngựa quay về Yên Tử!

Cái “đôi cảnh vô tâm” ở đây mới thật là tuyệt vời đó vậy!

---o0o---

Hết